

	QUY TRÌNH BAN HÀNH KẾT LUẬN KẾT QUẢ KIỂM TRA VỆ SINH THÚ Y	Mã số: V601-11
		Ngày ban hành: 15/4/2026
		Lần ban hành: 02
		Trang/Tổng số: 1/12

1. Những người có liên quan phải đọc, hiểu và thực hiện theo đúng nội dung của quy định này.
2. Nội dung trong quy định này có hiệu lực như sự chỉ đạo của Chi cục trưởng.
3. Mỗi bộ phận chỉ được phân phối duy nhất 01 bản (có đóng dấu kiểm soát), các bản sao có mã số khác với bản này phải được loại bỏ ngay, tuyệt đối không được sử dụng.

PHÂN PHỐI TÀI LIỆU

TT	NƠI NHẬN	TT	NƠI NHẬN
☐	Chi cục trưởng	☐	Trạm KDĐV Cảng Biển
☐	Phó Chi cục trưởng	☐	Trạm KDĐV Sân bay Tân Sơn Nhất
☐	P. Tổng hợp	☐	Trạm KDĐV Sân bay Long Thành
☐	P. Chăn nuôi và Thú y	☐	Trạm KDĐV Mộc Bài và Bình Hiệp

THEO DÕI SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Lần sửa đổi	Ngày sửa đổi	Nội dung và hạng mục sửa đổi
01	27/10/2025	Bổ sung Mục “6. NGUYÊN TẮC VÀ TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN” Điều chỉnh Mục “6. HỒ SƠ LƯU” thành Mục “7. HỒ SƠ LƯU”
02	15/4/2026	Cập nhật Mục “3. TÀI LIỆU THAM KHẢO”

	Soạn thảo/ sửa đổi	Xem xét	Phê duyệt
Chức vụ	Kiểm dịch viên chính	Phó Chi cục trưởng	Chi cục trưởng
Chữ ký		 	
Họ và tên	Nguyễn Ngọc Quý	Trần Đức Trung	Phạm Trung Kiên

	QUY TRÌNH BAN HÀNH KẾT LUẬN KẾT QUẢ KIỂM TRA VỆ SINH THÚ Y		Mã số: V601-11
			Ngày ban hành: 15/4/2026
			Lần ban hành: 02
			Trang/Tổng số: 2/12

1. MỤC ĐÍCH:

Quy trình này quy định trình tự, thủ tục về Kết luận kết quả kiểm tra vệ sinh thú y đối với các cơ sở nhập khẩu; cơ sở hỗn hợp nhập khẩu và tiêu dùng trong nước tại các tỉnh, thành phố thuộc địa bàn Chi cục Chăn nuôi và Thú y vùng VI.

2. PHẠM VI ÁP DỤNG:

Áp dụng đối với:

- Cơ sở có liên quan đến hoạt động kiểm tra vệ sinh thú y để ban hành Kết luận kết quả kiểm tra vệ sinh thú y.
- Các đơn vị trực thuộc Chi cục Chăn nuôi và Thú y vùng VI có trách nhiệm thực hiện quy trình này.

3. TÀI LIỆU THAM KHẢO

Luật Thú y 2015;

Luật Chăn nuôi 2018;

Luật thủy sản 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường 2026;

Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản;

Nghị định 90/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y;

Nghị định số 04/2020/NĐ-CP ngày 03/01/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2016/NĐ-CP ngày 06/5/2016 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giống cây trồng, bảo vệ và kiểm dịch thực vật; Nghị định số 90/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y;

Nghị định 07/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y;

	QUY TRÌNH BAN HÀNH KẾT LUẬN KẾT QUẢ KIỂM TRA VỆ SINH THÚ Y	Mã số: V601-11
		Ngày ban hành: 15/4/2026
		Lần ban hành: 02
		Trang/Tổng số: 3/12

Nghị định 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi;

Nghị định số 46/2022/NĐ-CP ngày 13/7/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi;

Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Thông tư số 71/2011/TT-BNNPTNT ngày 25/10/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia lĩnh vực Thú y;

Thông tư số 30/2012/TT-BNNPTNT ngày 03/7/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định các điều kiện vệ sinh thú y đối với khu cách ly kiểm dịch động vật và sản phẩm động vật xuất, nhập khẩu;

Thông tư số 13/2017/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật kỹ thuật quốc gia lĩnh vực thú y;

Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn;

Thông tư số 04/2016/TT-BNNPTNT ngày 10/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản;

Thông tư số 01/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn;

Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/1/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản;

Thông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm soát giết mổ và kiểm tra vệ sinh thú y;

Thông tư 10/2022/TT-BNNPTNT ngày 14/9/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm soát giết mổ và kiểm tra vệ sinh thú y;

	QUY TRÌNH BAN HÀNH KẾT LUẬN KẾT QUẢ KIỂM TRA VỆ SINH THÚ Y	Mã số: V601-11
		Ngày ban hành: 15/4/2026
		Lần ban hành: 02
		Trang/Tổng số: 4/12

Thông tư số 15/2024/TT-BNNPTNT ngày 20/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm soát giết mổ và kiểm tra vệ sinh thú y;

Thông tư số 09/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư quy định phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước về chăn nuôi và thú y;

Thông tư số 101/2020/TT-BTC, ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y;

Thông tư số 02/2025/TT-BNNMT ngày 15/5/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc Quy định thời hạn lưu trữ hồ sơ, tài liệu lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Quyết định số 1300/QĐ-BNNMT ngày 07/5/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Chăn nuôi và Thú y vùng VI trực thuộc Cục Chăn nuôi và Thú y.

4. ĐỊNH NGHĨA (Các thuật ngữ, từ viết tắt có trong quy trình)

Trong quy trình này, các từ viết tắt được hiểu như sau:

QCVN 01-99:2012/BNNPTNT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về điều kiện vệ sinh thú y khu cách ly kiểm dịch động vật và sản phẩm động vật trên cạn.

QCVN 150: 2017/BNNPTNT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia yêu cầu vệ sinh thú y đối với cơ sở giết mổ động vật tập trung.

TT09: Thông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2022.

TT10: Thông tư số 10/2022/TT-BNNPTNT ngày 14/9/2022.

TT15: Thông tư số 15/2024/TT-BNNPTNT ngày 20/11/2024.

HS: Hồ sơ

VSTY: Vệ sinh thú y.

KDVĐV: Người làm công tác kiểm dịch, kiểm tra vệ sinh thú y được Lãnh đạo Chi cục, Lãnh đạo các đơn vị kiểm dịch, kiểm tra vệ sinh thú y phân công.

	QUY TRÌNH BAN HÀNH KẾT LUẬN KẾT QUẢ KIỂM TRA VỆ SINH THÚ Y	Mã số: V601-11
		Ngày ban hành: 15/4/2026
		Lần ban hành: 02
		Trang/Tổng số: 5/12

Sơ chế, chế biến động vật, sản phẩm động vật là việc làm sạch, pha lóc, phân loại, đông lạnh, ướp muối, hun khói, làm khô, bao gói hoặc áp dụng phương pháp chế biến khác để sử dụng ngay hoặc làm nguyên liệu chế biến thực phẩm, thức ăn chăn nuôi hoặc dùng cho mục đích khác.

Cơ quan kiểm tra VSTY: có trách nhiệm thành lập đoàn kiểm tra, gửi văn bản đề nghị các cơ quan liên quan cử thành viên tham gia đoàn kiểm tra (nếu cần); thành viên đoàn kiểm tra đáp ứng yêu cầu sau:

Trưởng đoàn: Là lãnh đạo cấp phòng trở lên của Cơ quan kiểm tra hoặc công chức có ít nhất 05 năm kinh nghiệm trong quản lý nhà nước về thú y, chăn nuôi thú y hoặc thủy sản;

Thành viên: Có ít nhất 01 thành viên được tập huấn về đánh giá vệ sinh thú y do Cục Thú y tổ chức; có ít nhất 01 thành viên có trình độ từ đại học trở lên về một trong các lĩnh vực chăn nuôi, thú y, thủy sản;

Người lấy mẫu: Người thực hiện lấy mẫu có Giấy chứng nhận tham gia đào tạo hoặc tập huấn có nội dung về lấy mẫu.

	QUY TRÌNH BAN HÀNH KẾT LUẬN KẾT QUẢ KIỂM TRA VỆ SINH THÚ Y		Mã số: V601-11
			Ngày ban hành: 15/4/2026
			Lần ban hành: 02
			Trang/Tổng số: 6/12

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH:

5.1. Lưu đồ

TT	Trách nhiệm	Nội dung Kết luận kết quả kiểm tra VSTY	Thời gian giải quyết	Mô tả/ biểu mẫu
1	KĐVĐV	Bản mô tả tóm tắt cơ sở (Mẫu 02)	Trong thời hạn từ 03-15 ngày làm việc	Xem 5.2.1
2	Trưởng đoàn; Thành viên	Kiểm tra VSTY, không lấy mẫu (chưa có các tiêu chuẩn; QCVN; Các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan) Kiểm tra VSTY, có lấy mẫu (theo các tiêu chuẩn; QCVN; Các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan) Cơ sở xếp loại "ĐẠT" Cơ sở Báo cáo khắc phục Cơ sở xếp loại "KHÔNG ĐẠT"		Xem 5.2.2 đến 5.2.7
3	Trưởng đoàn; Thành viên	Ban hành Kết luận kết quả kiểm tra VSTY (Phê duyệt của Lãnh đạo Chi cục) Lưu hồ sơ		

	QUY TRÌNH BAN HÀNH KẾT LUẬN KẾT QUẢ KIỂM TRA VỆ SINH THÚ Y	Mã số: V601-11
		Ngày ban hành: 15/4/2026
		Lần ban hành: 02
		Trang/Tổng số: 7/12

5.2. Diễn giải lưu đồ

5.2.1. Tiếp nhận bản mô tả tóm tắt cơ sở (mẫu 02)

Chủ cơ sở nộp 01 (một) **bản mô tả tóm tắt cơ sở** cho Chi cục Chăn nuôi và Thú y vùng VI;

5.2.2. Nội dung kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y đối với cơ sở

Thực hiện theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 Điều 68 Luật Thú y:

- Kiểm tra, đánh giá việc thực hiện yêu cầu vệ sinh thú y đối với các đối tượng thuộc diện phải kiểm tra vệ sinh thú y.
- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật để phát hiện đối tượng kiểm tra vệ sinh thú y.
- Kết luận và xử lý theo quy định của pháp luật.

5.2.3. Phương pháp kiểm tra:

a) Kiểm tra hồ sơ, tài liệu và phỏng vấn tổ chức, cá nhân có liên quan; kiểm tra hiện trường; lấy mẫu theo quy định và lập Biên bản theo Mẫu 03 tại Phụ lục II (Thông tư 15/2024).

b) Đánh dấu vào các vị trí của mỗi chỉ tiêu, chỉ xác định mức ĐẠT hoặc KHÔNG ĐẠT tại cột có ký hiệu [].

c) Đối với chỉ tiêu không đạt yêu cầu, phải diễn giải chi tiết nội dung và lý do.

d) Không thay đổi nội dung, thêm, bớt chỉ tiêu đánh giá.

đ) Cơ sở xếp loại “ĐẠT” khi có tối thiểu 70% các chỉ tiêu được đánh giá “Đạt”; cơ sở xếp loại “KHÔNG ĐẠT” khi có dưới 70% các chỉ tiêu được đánh giá “Đạt”.

e) Cơ sở xếp loại “KHÔNG ĐẠT”, sau khi khắc phục, gửi báo cáo kết quả khắc phục theo Mẫu 07đ tại Phụ lục II đến cơ quan kiểm tra (Thông tư 15/2024).

g) Trường hợp phải tổ chức phòng, chống thiên tai, dịch bệnh theo quy định của pháp luật: Áp dụng hình thức kiểm tra trực tuyến đối với cơ sở sản xuất, cơ sở kinh doanh. Cơ quan kiểm tra căn cứ kết quả kiểm tra trực tuyến để lập biên bản kiểm tra vệ sinh thú y; cơ sở sản xuất, cơ sở kinh doanh chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của thông tin, tài liệu, hình ảnh, hồ sơ cung cấp cho cơ quan kiểm tra.

	QUY TRÌNH BAN HÀNH KẾT LUẬN KẾT QUẢ KIỂM TRA VỆ SINH THÚ Y	Mã số: V601-11
		Ngày ban hành: 15/4/2026
		Lần ban hành: 02
		Trang/Tổng số: 8/12

5.2.4. Tần suất kiểm tra

a) Kiểm tra lần đầu đối với các cơ sở mới thành lập.

b) Kiểm tra định kỳ

Đối với cơ sở giết mổ động vật tập trung: định kỳ 36 tháng tính từ thời điểm ban hành Kết luận kết quả kiểm tra vệ sinh thú y gần nhất đạt yêu cầu.

Đối với các cơ sở còn lại khác: Định kỳ 18 tháng tính từ thời điểm ban hành Kết luận kết quả kiểm tra vệ sinh thú y gần nhất đạt yêu cầu.

c) Kiểm tra đột xuất

Việc kiểm tra đột xuất được thực hiện khi cơ sở thuộc một trong các trường hợp sau: Có dấu hiệu không tuân thủ yêu cầu vệ sinh thú y; có phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân; có sự cố về vệ sinh thú y; cơ sở kiểm tra không đạt, phải khắc phục theo yêu cầu của cơ quan kiểm tra; có cảnh báo của nước nhập khẩu;

d) Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm động vật để xuất khẩu: Thực hiện theo yêu cầu của nước nhập khẩu hoặc chủ hàng.

5.2.5. Trình tự thực hiện

a) Hằng năm, cơ quan kiểm tra căn cứ danh sách cơ sở thuộc thẩm quyền quản lý để xây dựng kế hoạch kiểm tra; lập dự toán kinh phí trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; thành lập đoàn kiểm tra; thông báo kế hoạch, thời gian, nội dung, phương pháp kiểm tra đến các cơ sở được kiểm tra.

b) Tổ chức kiểm tra

Đoàn kiểm tra tổ chức thực hiện kiểm tra tại cơ sở, thu thập thông tin mô tả tóm tắt về cơ sở theo Mẫu 02 Phụ lục II.

Tiến hành đánh giá về nội dung và phương pháp kiểm tra, ghi đầy đủ mức đánh giá đối với từng chỉ tiêu vào ô tương ứng của Biên bản kiểm tra theo mẫu tại Phụ lục II, cụ thể như sau:

- Mẫu 07a: Biên bản kiểm tra vệ sinh thú y đối với cơ sở giết mổ động vật tập trung;
- Mẫu 07b: Biên bản kiểm tra vệ sinh thú y đối với cơ sở xét nghiệm, chẩn đoán bệnh động vật; cơ sở phẫu thuật động vật;

	QUY TRÌNH BAN HÀNH KẾT LUẬN KẾT QUẢ KIỂM TRA VỆ SINH THÚ Y	Mã số: V601-11
		Ngày ban hành: 15/4/2026
		Lần ban hành: 02
		Trang/Tổng số: 9/12

- Mẫu 07c: Biên bản kiểm tra vệ sinh thú y đối với cơ sở sản xuất nguyên liệu thức ăn chăn nuôi có nguồn gốc động vật và các sản phẩm động vật khác không sử dụng làm thực phẩm; cơ sở sơ chế, chế biến động vật, sản phẩm động vật để kinh doanh;

- Mẫu 07d: Biên bản kiểm tra vệ sinh thú y đối với cơ sở kinh doanh sản phẩm động vật.

c) Lấy mẫu: Trường hợp nghi ngờ chỉ tiêu kiểm tra không bảo đảm vệ sinh thú y thì phải lấy mẫu và tham chiếu quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng để đánh giá.

Tổ chức, cá nhân được quyền khiếu nại trong trường hợp không đồng ý về kết quả xét nghiệm lần đầu và được phép lấy mẫu lại hoặc sử dụng mẫu lưu để xét nghiệm lại. Trường hợp kết quả xét nghiệm sai lệch, chi phí xét nghiệm lại do bên xét nghiệm tự chi trả.

d) Lập Biên bản, ban hành Kết luận kết quả kiểm tra vệ sinh thú y

Đối với cơ sở không phải lấy mẫu: Trưởng đoàn kiểm tra gửi Biên bản kiểm tra đến Thủ trưởng cơ quan kiểm tra thuộc thẩm quyền quản lý ban hành Kết luận kết quả kiểm tra; căn cứ Biên bản kiểm tra, Thủ trưởng cơ quan kiểm tra ban hành Kết luận kết quả kiểm tra vệ sinh thú y theo Mẫu 07e quy định tại Phụ lục II. Việc gửi Biên bản kiểm tra và ban hành Kết luận kết quả kiểm tra vệ sinh thú y hoàn thành trong thời hạn **03 ngày làm việc** kể từ ngày kết thúc kiểm tra.

Đối với cơ sở phải lấy mẫu: Trưởng đoàn kiểm tra gửi Biên bản kiểm tra đến Thủ trưởng cơ quan kiểm tra thuộc thẩm quyền quản lý ban hành Kết luận kết quả kiểm tra; căn cứ Biên bản kiểm tra và kết quả xét nghiệm mẫu, Thủ trưởng cơ quan kiểm tra ban hành Kết luận kết quả kiểm tra vệ sinh thú y theo Mẫu 07e quy định tại Phụ lục II. Việc gửi Biên bản kiểm tra và ban hành Kết luận kết quả kiểm tra vệ sinh thú y hoàn thành trong thời hạn **15 ngày** kể từ ngày kết thúc kiểm tra.

Đối với cơ sở đang hoạt động, trong quá trình kiểm tra phát hiện có hành vi vi phạm hành chính về vệ sinh thú y, đoàn kiểm tra lập biên bản kiểm tra và biên bản làm việc; xử lý theo thẩm quyền hoặc chuyển cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

	QUY TRÌNH BAN HÀNH KẾT LUẬN KẾT QUẢ KIỂM TRA VỆ SINH THÚ Y		Mã số: V601-11
			Ngày ban hành: 15/4/2026
			Lần ban hành: 02
			Trang/Tổng số: 10/12

đ) Việc kiểm tra định kỳ thực hiện theo trình tự quy định tại điểm a, điểm b, điểm c và điểm d khoản này; kiểm tra lần đầu và kiểm tra đột xuất thực hiện theo trình tự quy định tại điểm b, điểm c và điểm d khoản này;

e) Đối với cơ sở xếp loại “KHÔNG ĐẠT”, phải khắc phục: Sau khi nhận được báo cáo khắc phục của cơ sở, đoàn kiểm tra xem xét, đánh giá nội dung khắc phục. Nếu nội dung khắc phục đạt yêu cầu, Trưởng đoàn kiểm tra gửi Biên bản kiểm tra (kèm Báo cáo khắc phục của cơ sở) đến Thủ trưởng Cơ quan kiểm tra thuộc thẩm quyền quản lý ban hành Kết luận kết quả kiểm tra vệ sinh thú y theo Mẫu 07e quy định tại Phụ lục II. Việc gửi Biên bản kiểm tra và ban hành Kết luận kết quả kiểm tra vệ sinh thú y hoàn thành trong thời hạn **03 ngày làm việc** kể từ ngày nhận được Báo cáo khắc phục đạt yêu cầu.

Trong trường hợp nội dung báo cáo khắc phục không đạt yêu cầu, đoàn kiểm tra đến cơ sở để kiểm tra nội dung khắc phục. Trình tự thực hiện kiểm tra nội dung khắc phục thực hiện theo trình tự kiểm tra đột xuất.

f) Thu phí và lệ phí theo quy định.

5. 2.6. Phê duyệt của lãnh đạo chi cục

Đơn vị được Lãnh đạo Chi cục phân công kiểm tra VSTY soạn thảo Kết luận kết quả kiểm tra vệ sinh thú y.

5. 2. 7. Ban hành Kết luận kết quả kiểm tra vệ sinh thú y

Đơn vị được Lãnh đạo Chi cục phân công kiểm tra VSTY giao **Kết luận kết quả kiểm tra vệ sinh thú y** cho cơ sở.

5.3. Không thực hiện kiểm tra vệ sinh thú y lần đầu và định kỳ đối với cơ sở có một trong các loại Giấy chứng nhận sau đây hoặc tương đương còn hiệu lực:

Cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm; Thực hành chăn nuôi tốt (VietGAHP); Thực hành nông nghiệp tốt toàn cầu (GLOBALG.A.P.); Thực hành sản xuất tốt (GMP); Hệ thống phân tích mối nguy và điểm kiểm soát tới hạn (HACCP); Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm ISO 22000, Tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (IFS); Tiêu chuẩn toàn cầu về an toàn thực phẩm (BRC); Chứng nhận hệ thống an toàn thực phẩm (FSSC 22000); an toàn dịch bệnh; đủ điều kiện chăn nuôi; đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi.

	QUY TRÌNH BAN HÀNH KẾT LUẬN KẾT QUẢ KIỂM TRA VỆ SINH THÚ Y	Mã số: V601-11
		Ngày ban hành: 15/4/2026
		Lần ban hành: 02
		Trang/Tổng số: 11/12

5.4. Mẫu lấy trong quá trình kiểm tra vệ sinh thú y phải được phân tích bởi phòng thử nghiệm có Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm theo quy định, trong đó phép thử được đăng ký phải phù hợp với chỉ tiêu kiểm tra vệ sinh thú y.

6. NGUYÊN TẮC VÀ TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN

- Phòng/ Trạm được phân công có trách nhiệm thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy Chứng nhận do Phòng/ Trạm mình thực hiện, chịu trách nhiệm tính hợp lệ của hồ sơ khai báo và nội dung chứng nhận.

- KDVDV trực tiếp xử lý hồ sơ chịu trách nhiệm trước Lãnh đạo Phòng, Trạm về tính hợp lệ của hồ sơ, kết quả giải quyết hồ sơ; Giải trình về lý do chậm trễ đối với từng hồ sơ cụ thể.

- Lãnh đạo Phòng, Trạm chịu trách nhiệm trước Lãnh đạo Chi cục về tính hợp lệ của hồ sơ; có trách nhiệm giải trình trước Lãnh đạo Chi cục về việc chậm, muộn trong giải quyết hồ sơ và các vi phạm (nếu có).

- Đối với hồ sơ quá hạn theo thời gian hẹn dự kiến trả kết quả, trong thời gian không quá 01 ngày kể từ ngày hết hạn, KDVDV xử lý dự thảo văn bản xin lỗi và hẹn ngày dự kiến trả kết quả gửi tổ chức, các cá nhân theo mẫu. Lãnh đạo đơn vị ký văn bản xin lỗi và hẹn ngày trả kết quả gửi tổ chức, cá nhân theo quy định.

7. HỒ SƠ LƯU

Loại hồ sơ	Hình thức lưu	Trách nhiệm lưu	Thời gian lưu
1. Hồ sơ cơ sở nộp: - Mô tả tóm tắt cơ sở (Mẫu 02 phụ lục II TT 15) - Những giấy tờ khác có liên quan (nếu có) - Báo cáo kết quả khắc phục (nếu có khắc phục) theo Mẫu 07đ phụ lục II TT 15 2. Hồ sơ đơn vị được phân công kiểm tra, giám sát quản lý - Hồ sơ cơ sở nộp - Mẫu 02 phụ lục II TT 15	Phương pháp lưu Bản cứng lưu trong các cặp file	Cơ quan	04 năm

	QUY TRÌNH BAN HÀNH KẾT LUẬN KẾT QUẢ KIỂM TRA VỆ SINH THÚ Y	Mã số: V601-11
		Ngày ban hành: 15/4/2026
		Lần ban hành: 02
		Trang/Tổng số: 12/12

- Biên bản lấy mẫu xét nghiệm (nếu có) theo mẫu 03 phụ lục II TT 15 - Biên bản kiểm tra VSTY theo lĩnh vực kiểm tra (Mẫu 07a, 07b, 07c, 07d phụ lục II TT 15) - Báo cáo kết quả khắc phục (nếu có khắc phục) theo Mẫu 07đ phụ lục II TT 15 - Kết quả thử nghiệm (nếu có) - Kết luận kết quả kiểm tra VSTY (Mẫu 07e)			
---	--	--	--

TRƯỜNG

